

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 140/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 – 6 – 2025

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Anh Minh

Ông Võ Thanh Liêm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Tú T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, Ấp C, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số F, Ấp C, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trình bày của bà Nguyễn Tú T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông Lê Thanh T1 kết hôn với nhau vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bạc Liêu ngày 14/9/2007, số Giấy chứng nhận kết hôn 282. Trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không hòa hợp, ông T1 không chăm lo cho gia đình, đã hằn gấn nhưng không kết quả, vợ chồng đã ly thân nhau khoảng 04 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung nên bà yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Đan T2, sinh ngày 13/5/2010, hiện nay con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông T1.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Đối với ông Lê Thanh T1 đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tú T, nhưng đến nay ông T1 vẫn không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bị đơn là ông Lê Thanh T1 đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Tú T, xét thấy, bà T và ông T1 đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bạc Liêu, số Giấy chứng nhận kết hôn 282 nên hôn nhân được xác định là hợp pháp. Bà T cho rằng, vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, đã hàn gắn nhưng không kết quả, vợ chồng đã ly thân nhau khoảng 04 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Còn ông T1 không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến và các tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận trình bày của bà T, xác định hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã ly thân nhau, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà T ly hôn với ông T1.

[4] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Đan T2, sinh ngày 13/5/2010, hiện nay con đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông T1. Còn ông T1 không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy, hiện nay con đang sống ổn định với mẹ và cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, xét thấy, bà T không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, bà T xác định không có, còn ông T1 không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và không gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên chấp nhận ý kiến của bà T.

[6] Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, **227, 228** của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Tú T ly hôn với ông Lê Thanh T1.

- Về con chung: Buộc ông Lê Thanh T1 tiếp tục giao con chung tên là Lê Nguyễn Đan T2, sinh ngày 13/5/2010 cho bà Nguyễn Tú T trực tiếp nuôi, không đề cập xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với ông T1. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Tú T phải nộp 300.000đ. Ngày 17 tháng 4 năm 2025, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0010693 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ, bà T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh

